BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 262 /BC-BTP	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ thẩm định theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, ngày 07/9/2017, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng để thẩm định đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin (dự thảo Nghị định). Trên cơ sở kết quả cuộc họp của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Luật tiếp cận thông tin năm 2016 đã cụ thể hóa đầy đủ nội dung, quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân tại Điều 25 của Hiến pháp năm 2013. Bên cạnh đó, Luật tiếp cận thông tin giao cho Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật như: bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của người khuyết tật, người sinh sống ở biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tiếp cận thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp; phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Đồng thời, tại dự thảo Nghị định còn quy định một số biện pháp để tổ chức thi hành thống nhất, hiệu quả một số nội dung, quy định của Luật tiếp cận thông tin thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ. Do đó, để thực hiện nhiệm vụ được Luật giao và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai đồng bộ các quy định của Luật trong phạm vi cả nước, Bộ Tư pháp nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin.

II. VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ TÊN GỌI CỦA VĂN BẢN

Bộ Tư pháp nhận thấy, các vấn đề Luật tiếp cận thông tin giao Chính phủ quy định chi tiết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thể hiện tương đối chi tiết, đầy đủ trong dự thảo Nghị định. Một số nội dung liên quan đến biện pháp thi hành như lập danh mục, phân loại, cập nhật thông tin, trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin, trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ để cung cấp thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin, kinh phí bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và chi phí tiếp cận thông tin được quy định trong dự thảo Nghị định để bảo đảm việc thi hành Luật tiếp cận thông tin trên thực tế phù hợp với

thẩm quyền của Chính phủ. Theo đó, về cơ bản, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định bảo đảm nguyên tắc: (1) phù hợp, không quy định vượt quá các quy định của Luật tiếp cận thông tin, bảo đảm lộ trình thực hiện quyền tiếp cận thông tin; (2) bám sát quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 về thẩm quyền ban hành nghị định của Chính phủ.

Với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định như trên, Bộ Tư pháp nhất trí với tên gọi của dự thảo Nghị định là ***"Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin"***.

III. VỀ TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT, TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

1. Bộ Tư pháp nhận thấy, về cơ bản nội dung dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với nội dung, quy định, tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân nói chung và về quyền tiếp cận thông tin của công dân nói riêng. Nội dung quy định chi tiết và một số biện pháp thi hành tại dự thảo Nghị định được xây dựng trên nguyên tắc bảo đảm phù hợp với các chính sách, nội dung cơ bản và các điều khoản của Luật tiếp cận thông tin, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tiễn của nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Để bảo đảm hơn nữa tính khả thi, sự phù hợp của một số quy định của dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, chỉnh lý một số vấn đề được nêu cụ thể tại phần VI của Báo cáo thẩm định này.

2. Dự thảo Nghị định không có nội dung trái với các điều ước quốc tế liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

IV. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Luật tiếp cận thông tin đã quy định cụ thể, đầy đủ về trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin. Tại dự thảo Nghị định này chỉ quy định cụ thể về một số thành phần hồ sơ, như mẫu phiếu trong cung cấp thông tin theo yêu cầu; một số bước trong trình tự thủ tục yêu cầu cung cấp tin trong trường hợp công dân yêu cầu cung cấp thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, còn trình tự, thủ tục cụ thể được thực hiện tương tự như các quy định về cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân tại Luật tiếp cận thông tin. Theo đó, Bộ Tư pháp cho rằng quy định tại dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Do đó, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính thì chỉ cần xây dựng Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính mà không cần phải có Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính. Qua rà soát, Bộ tư

pháp nhận thấy, tại hồ sơ dự thảo Nghị định, cơ quan chủ trì soạn thảo đã có Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính về một số thành phần của hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định.

V. VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Bộ Tư pháp cho rằng, các chính sách và biện pháp lớn để bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân đã được cơ quan chủ trì soạn thảo đánh giá tác động trong quá trình xây dựng dự án Luật tiếp cận thông tin. Tại dự thảo Nghị định chỉ quy định chi tiết một số nội dung, chính sách và biện pháp thi hành của Luật, theo đó, về cơ bản không làm phát sinh chính sách, nội dung lớn liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm cơ quan nhà nước.

Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhận thấy, tại dự thảo Nghị định có một số quy định nhằm cụ thể hơn các biện pháp đã được quy định trong Luật tiếp cận thông tin, như giao trách nhiệm của các cơ quan cung cấp thông tin trong việc trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin để cung cấp thông tin, bố trí đầu mối, nhân lực, ngân sách nhà nước... để bảo đảm nguồn lực thi hành. Các quy định này vẫn cần tiếp tục có sự đánh giá tác động kỹ hơn nữa để lựa chọn được phương án tối ưu, bảo đảm tính khả thi và phù hợp với các điều kiện thực tiễn của cơ quan nhà nước và nhu cầu của công dân trong quá trình thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động cụ thể đối với các biện pháp có thể làm phát sinh nhu cầu về nguồn nhân lực, tài chính để bảo đảm thi hành, trên cơ sở đó lựa chọn được phương án tối ưu để quy định có tính khả thi hơn trong dự thảo Nghị định.

VI. VỀ MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận thông tin (Điều 2 và Điều 3)

Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết các biện pháp, hình thức theo hướng tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng nhóm đối tượng. Về vấn đề này, trong quá trình thảo luận, Hội đồng thẩm định có 2 loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất đồng tình với quy định trong dự thảo Nghị định theo hướng quy định các biện pháp tạo điều kiện có tính chất linh hoạt, tăng tính chủ động cho địa phương trong việc quyết định sử dụng các biện pháp phù hợp để tạo điều kiện cho các đối tượng nêu trên thực hiện quyền tiếp cận thông tin trên địa bàn.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng dự thảo Nghị định cần quy định chi tiết, cụ thể

hơn các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin xuất phát từ nhu cầu của người tiếp cận thông tin và phù hợp với từng loại đối tượng cụ thể (như đối với nhóm người khuyết tật thì phải có biện pháp hỗ trợ cho từng dạng khuyết tật), không nên xuất phát từ điều kiện thực tiễn của cơ quan cung cấp thông tin.

Bộ Tư pháp cho rằng, cả hai loại ý kiến nêu trên đều có những điểm hợp lý, theo đó, cơ quan chủ trì soạn thảo cần bám sát các quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 3 Điều 18 của Luật tiếp cận thông tin để chỉnh lý các quy định tại Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị định theo hướng: xuất phát từ việc bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm đối tượng này để quy định chi tiết hơn nữa các biện pháp ưu tiên, các hình thức hỗ trợ, tạo điều kiện cho từng nhóm đối tượng trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin (như ưu tiên cung cấp thông tin cho người khuyết tật trước trong trường hợp có nhiều người đề nghị cung cấp thông tin; miễn, giảm chi phí tiếp cận thông tin cho các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, người khuyết tật...). Các biện pháp này phải được giao cho các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện mà không quy định tùy nghi theo hướng "phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình" như dự thảo Nghị định đang thể hiện.

2. Về việc cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (Điều 4)

Tại khoản 1 Điều 4 của dự thảo Nghị định quy định: "*Việc yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, được thực hiện trong trường hợp nhiều người có cùng mục đích, lý do yêu cầu cung cấp thông tin với cùng một loại thông tin theo cùng một hình thức*". Qua đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật tiếp cận thông tin: "*Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó có cùng yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau*", Bộ Tư pháp nhận thấy, quy định: "*trường hợp nhiều người có cùng mục đích, lý do yêu cầu cung cấp thông tin với cùng một loại thông tin theo cùng một hình thức"* tại dự thảo Nghị định đã đặt ra các điều kiện nhất định để công dân được tiếp cận thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình cụ thể hơn lý do, mục đích, cơ sở của quy định này tại Tờ trình Chính phủ, để trong trường hợp nhận thấy các điều kiện này là cần thiết, chính đáng, Chính phủ có thể quyết định việc quy định cụ thể các nội dung này tại dự thảo Nghị định.

Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng đề nghị cân nhắc chỉ nên quy định chứng minh thư, chữ ký của người đại diện tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và thể hiện số lượng người có cùng nhu cầu cung cấp thông tin, còn quy định về việc lập danh sách với các thông tin như họ, tên, số chứng minh thư, chữ ký của từng người yêu cầu cung cấp thông tin là không thực sự cần thiết.

3. Về trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin (Điều 8, Điều 9)

Luật tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin phải xác định cơ quan làm đầu mối cung cấp thông tin. Tại dự thảo Nghị định chưa có quy định cụ thể về việc xác định cơ quan, đơn vị làm đầu mối, nhất là đối với các cơ quan có nhiều đơn vị trực thuộc có tính chất độc lập tương đồng như cục, tổng cục (tổng cục có các cục, chi cục ở cấp tỉnh và cấp huyện), có nhiều đơn vị sự nghiệp công lập.

Bên cạnh đó, để tránh làm phát sinh thêm tổ chức và chi phí hành chính cho các cơ quan nhà nước, tại dự thảo Nghị định nên bổ sung quy định về việc bố trí, sử dụng trụ sở tiếp công dân, bộ phận một cửa, một cửa liên thông, trung tâm hành chính công…đã được tổ chức ở các bộ, ngành, địa phương để thực hiện việc cung cấp thông tin.

4. Về lập danh mục, phân loại, cập nhật thông tin, trang bị phương tiện kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin (Điều 6, Điều 10 và Điều 11)

Tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin "lập, cập nhật, công khai Danh mục thông tin phải được công khai và đăng tải danh mục trên cổng thông tin điện tử…". Tại khoản 1 điều 6 của dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của các cơ quan này trong việc lập 3 loại danh mục thông tin gồm: Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin được tiếp cận có điều kiện, Danh mục thông tin đã được cung cấp. Một số thành viên Hội đồng thẩm định cho rằng quy định này đặt thêm trách nhiệm cho cơ quan cung cấp thông tin trong việc lập danh mục và mở rộng hơn phạm vi danh mục thông tin phải được lập, cập nhật, công khai. Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ, Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình việc mở rộng các danh mục thông tin là cần thiết và không trái với các quy định Luật tiếp cận thông tin, vì tại Điều 7 của Luật đã quy định về thông tin được tiếp cận có điều kiện và tại điểm h khoản 1 Điều 34 của Luật quy định về quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin của cơ quan phải cập nhật thông tin được cung cấp theo yêu cầu. Quy định này cũng nhằm công khai tối đa phạm vi thông tin được tiếp cận, bảo đảm tính chủ động, sẵn sàng của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin và bảo đảm thông tin được cung cấp nhanh chóng, kịp thời cho người yêu cầu, tạo thuận lợi cho công dân và cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, phù hợp với tinh thần của Luật. Bộ Tư pháp cho rằng giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo là hợp lý, có cơ sở, do vậy, cơ bản nhất trí với quy định này trong dự thảo Nghị định.

Bộ Tư pháp đề nghị cần có sự rà soát kỹ trong một số lĩnh vực như thuế, phí để xác định loại thông tin có sẵn và đơn giản nhưng trong đó có chứa thông tin nhạy cảm, thuộc phạm vi thông tin tiếp cận hạn chế hoặc đã cung cấp thì phải

có biện pháp thích hợp để bảo vệ, không cung cấp các loại thông tin này và cũng không công khai các loại thông tin này trong danh mục. Cũng cần bổ sung quy định về cách thức, hình thức của từng loại danh mục thông tin để thuận lợi, thống nhất trong thực hiện.

Ngoài ra, tại dự thảo Nghị định cần bổ sung nguyên tắc và biện pháp bảo đảm an toàn về kỹ thuật trong việc công bố, cập nhật, cung cấp thông tin qua các phương tiện điện tử để tránh làm sai lệch, lọt, lộ thông tin của cơ quan trong quá trình cung cấp thông tin.

5. Về chi phí tiếp cận thông tin

Khoản 2 Điều 12 của Luật tiếp cận thông tin quy định: "*Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin*" và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.

Để Bộ Tài chính có căn cứ quy định chi tiết việc thu và sử dụng chi phí thu được từ việc cung cấp thông tin, Bộ Tư pháp cho rằng dự thảo Nghị định cần có quy định mang tính nguyên tắc là: "*Chi phí thu được từ việc cung cấp thông tin phải được nộp vào ngân sách nhà nước và sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước*".

Khoản 3 Điều 14 của dự thảo Nghị định quy định: "*Chi phí cung cấp thông tin phải được người yêu cầu trả trước khi cung cấp thông tin đối với việc cung cấp thông tin qua đường bưu điện*" là chưa hợp lý vì không phải chỉ việc cung cấp thông tin qua đường bưu điện mới phát sinh chi phí. Ngoài ra, đề nghị quy định cụ thể cách thức, biện pháp nộp chi phí cung cấp thông tin theo yêu cầu phù hợp, thuận lợi cho mọi đối tượng, nhất là cho người ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn về kinh tế - xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số và với số tiền thực tế phải chi trả (nhỏ lẻ), bảo đảm không vì khó khăn trong việc chi trả chi phí mà làm hạn chế quyền yêu cầu cung cấp thông tin của công dân.

6. Về trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả cung cấp thông tin

Khoản 4 Điều 35 của Luật tiếp cận thông tin quy định: *"Bộ Tư pháp giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật này"* thông qua các biện pháp, hình thức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Theo giải trình của cơ quan chủ trì soạn thảo, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất về tình hình cung cấp thông tin của bộ, ngành, địa phương mình đến Bộ Tư pháp để Bộ thực hiện nhiệm vụ theo dõi chung việc thi hành Luật. Bộ Tư pháp cho rằng quy định việc báo cáo tình hình thi hành luật là cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ theo dõi chung về thi hành pháp luật của Bộ, tuy nhiên, do hiện nay trong mỗi lĩnh vực lại yêu cầu phải có báo cáo riêng cho từng lĩnh vực và theo định kỳ hằng năm sẽ tạo gánh nặng cho các bộ, ngành, địa

phương khi nguồn lực còn hạn chế. Theo đó, để bảo đảm tính khả thi và hợp lý của quy định, dự thảo Nghị định nên quy định theo hướng hoặc báo cáo định kỳ hằng năm được tích hợp trong báo cáo chung về thi hành pháp luật của bộ, ngành, địa phương; hoặc định kỳ 3 năm có báo cáo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật về tiếp cận thông tin.

7. Về các mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu

Căn cứ nhiệm vụ được Luật giao, dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể các mẫu phiếu thực hiện trong quá trình cung cấp thông tin theo yêu cầu (7 mẫu phiếu tại phụ lục đính kèm). Bộ Tư pháp cho rằng các mẫu phiếu này là cần thiết, phù hợp với từng bước trong trình tự, thủ tục và phù hợp với cả hai chủ thể là cơ quan cung cấp và người yêu cầu. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chính xác và sử dụng thống nhất, thuận lợi, đề nghị rà soát kỹ nội dung chi tiết của từng mẫu phiếu, bảo đảm thống nhất về hình thức, nội dung của mỗi mẫu phiếu với các chủ thể sử dụng, thống nhất trong các thuật ngữ đã được sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực dân sự, tố tụng dân sự, hình sự, tố tụng hình sự, như: nên sử dụng "*nơi cư trú của cá nhân*" thay cho "*địa chỉ*"; "*người dưới 18 tuổi*" thay cho "*trẻ vị thành niên*". Ngoài ra, một số mẫu nên cụ thể hơn như tại Mẫu số 01 nên làm rõ địa chỉ, điện thoại… là của người giám hộ, người đại diện hay của trẻ em là người yêu cầu cung cấp thông tin. Đối với văn bản chấp nhận của tổ chức, doanh nghiệp đối với người đại diện yêu cầu cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (Mẫu số 07) thì cần cân nhắc không nhất thiết phải có chứng nhận của cấp xã, chỉ cần đại diện theo pháp luật của pháp nhân xác nhận là phù hợp.

VIII. VỀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO, NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO

1. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo

Dự thảo Nghị định đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, lấy ý kiến và đã nghiên cứu tiếp thu nghiêm túc nhiều ý kiến. Tuy nhiên, Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến cần đầy đủ, chi tiết, cụ thể hơn.

Hồ sơ dự thảo Nghị định gửi thẩm định bảo đảm yêu cầu theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung của dự thảo Nghị định bám sát yêu cầu của Luật tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, về tiến độ, Nghị định này cần phải ban hành sớm để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc triển khai thi hành Luật ngay khi có hiệu lực (ngày 01/7/2018).

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật tiếp cận thông tin nên không phải lập đề nghị, nhưng phần quy định biện pháp thi hành có liên quan đến nguồn lực để bảo đảm thực hiện, do vậy cần đánh giá tác động để tạo cơ sở

cho Chính phủ xem xét, thông qua. Nội dung đánh giá tác động có thể được thể hiện trong Báo cáo tác động riêng hoặc đưa vào Tờ trình Chính phủ và phải được lý giải cụ thể, chi tiết.

2. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo

Bộ Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày trong dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Tuy nhiên, đối với một số quy định, cần viết ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu hơn theo đúng yêu cầu tại Điều 8 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và phù hợp với đối tượng áp dụng của Nghị định là người khuyết tật, người sinh sống ở biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu thu đầy đủ các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định để chỉnh lý về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

IX. KẾT LUẬN

Bộ Tư pháp nhất trí trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, trước khi trình Chính phủ, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiêm túc nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý dự thảo Nghị định và giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định thể hiện trong Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin, xin gửi Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng TTĐT Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Vụ pháp luật hình sự - hành chính;
- Lưu: VT, Vụ VĐCXDPL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Phan Chí Hiếu